TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2026
V/v:"Ly hôn"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nghệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thường và ông Hoàng Đức Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Mai Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 231/2026/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 419/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh ngày 06/6/1985. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

CCCD số: 040185022904.

Nơi cư trú: Thôn C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh ngày 28/8/1983. Vắng mặt.

CCCD số: 040083019643

Nơi cư trú: Thôn C Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2026, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là xã Q, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về chung sống với anh T tại thôn G Q (nay là thôn C Q), xã Q, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên vợ chồng chỉ sống chung với nhau được 1 tháng, vì có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thể hoà hợp về tính cách, quan điểm sống, hai bên thường xuyên cãi vã, không tìm được

tiếng nói chung để xây dựng gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về nhà mẹ đẻ tại thôn C Q để sinh sống cho đến nay. Vợ chồng đã ly thân được 13 năm, không còn liên lạc, quan tâm nhau. Nay tình cảm của chị với anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T. Chị và anh T không có con chung, không ai có con nuôi, con riêng. Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Vũ Văn T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2026 của bà Hồ Thị Liên M đẻ anh T trình bày: Anh Vũ Văn T hiện nay không có mặt tại địa phương, anh T đi đâu, làm gì gia đình không biết. Thỉnh thoảng anh T mới về thăm nhà, hiện bà không liên hệ được với anh T. Chị L và anh T có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2013 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là xã Q, tỉnh Nghệ An. Chị L và anh T đều khờ như nhau, không làm chủ được kinh tế, đều cần sự hỗ trợ của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 20 ngày thì chị L bỏ về nhà ngoại tại thôn C Quỳnh H sinh sống, anh T bỏ đi khỏi nhà thỉnh thoảng mới về. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, anh T chị L không có con chung, không có tài sản chung. Nay chị L xin ly hôn anh T, đây là việc riêng của các con nhưng theo ý kiến riêng của bà nếu vợ chồng không chung sống hạnh phúc, không còn tình cảm thì nên giải thoát cho nhau. Bà không liên lạc gì với anh T, nếu anh T liên lạc về bà sẽ thông báo cho anh T biết.

Tại Văn bản số 2132/UBND-VP ngày 15/7/2026 UBND xã Q cho biết: Hiện tại dữ liệu hộ tịch so UBND xã Q quản lý không có thông tin con chung của anh Vũ Văn T và chị Trần Thị L. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào địa phương không biết vì không qua hoà giải tại cơ sở. Nay chị L xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt tại phiên làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án là thực hiện không đảm bảo quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 147 BLTTDS năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Về tình cảm: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Vũ Văn T .

Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Vũ Văn T. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự đủ cơ sở xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS 2015.

Anh Vũ Văn T có nơi thường trú tại Thôn G Q (nay là thôn C Q), xã Q, tỉnh Nghệ An, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung 2025 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4-Nghệ An.

[1.2] Xét xử vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị L, bị đơn anh Vũ Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Vũ Văn T là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hòa hợp, không quan tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị L kiên quyết ly hôn vì vợ chồng sống ly thân 13 năm. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025

Căn cứ các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản: Chị Trần Thị L và anh Vũ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh N theo biên lai số 0003305 ngày 06/5/2026.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị L, bị đơn anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:
- VKSND KV4;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- CQTHADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Lưu (xã Quỳnh Hậu cũ, ĐKKH số 01.2013);
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nghệ